

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sâm

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 173/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Minh L, sinh năm 2000

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1991

Đều có địa chỉ: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (*Chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ 02 tại phiên toà không có L do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Hoàng Thị Minh L trình bày: Chị và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn ngày 27/11/2018 tại UBND xã C (nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T

tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường P sinh mâu thuẫn, hai bên không hợp nhau cả về tư tưởng và lối sống dẫn đến hôn nhân rơi vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 03/8/2018 hiện nay đang ở với anh T và bố mẹ đẻ của anh T. Ly hôn chị L xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Về công nợ chung; Về tài sản chung; Về công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê Văn T được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc chị Hoàng Thị L xin ly hôn nhưng anh T không đến làm việc. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã làm việc với bố đẻ của anh T là ông Lê Hà B, ông B cung cấp: Chị L và anh T có nghề lao động tự do, sau khi kết hôn chị L, anh T sinh sống cùng ông, bà tại xã H, huyện C và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thông cảm với nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ, cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, vợ chồng liên tục gây căng thẳng cho nhau. Hiện nay chị L đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở khu T, xã H sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị L xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 03/8/2018, hiện nay cháu P do anh T và gia đình ông nuôi dưỡng, do công việc của anh T là lái xe ta xi đi vắng thường xuyên từ sáng đến tối mới về nên việc chăm sóc cháu P đều do chúng ông chăm sóc, còn anh T ông không thấy anh nói gì đến việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như thế nào. Nếu chị L không nuôi cháu P, ông đề nghị Tòa án giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng, tôi sẽ hỗ trợ, giúp đỡ anh T để chăm sóc, trông nom cháu. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Gia đình ông đã nhận được giấy báo của Tòa án báo anh T đến làm việc, anh T biết nhưng không đến Tòa án vì anh nói anh không bỏ vợ. Hiện nay anh T làm nghề lái xe Taxi sáng đi làm sớm, tối muộn thì anh mới về nhà ngủ sáng hôm sau lại đi sớm nên thường xuyên vắng nhà, các giấy báo trước đây ông đã báo cho anh T, còn L do gì anh không đến Tòa án làm việc thì ông không rõ. ông xin nhận các giấy tờ, văn bản của Tòa án thay cho anh T và ông sẽ giao cho anh T. Còn việc anh có đến Tòa án hay không là quyền của anh.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê P biểu quan điểm:**

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn là anh T đã vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử:

1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Minh L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 03/8/2018 kể từ tháng 8/2022 đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không yêu cầu.

Anh Lê Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Minh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị Hoàng Thị Minh L và anh Lê Văn T là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy việc thụ L và giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hoàng Thị Minh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tại phiên tòa không có L do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị L, anh T.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được tại địa phương cho thấy: “ Anh T, chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 27/11/2018. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn, sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại khu P, xã H. Quá trình chung sống của chị L, anh T ở địa phương có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, hiện tại anh chị đang sống ly thân mỗi người một nơi. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị thì địa phương không rõ vì anh chị không yêu cầu các ban ngành đoàn thể và chính quyền địa phương hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị L xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án hoà giải cho anh chị đoàn tụ nếu anh chị không đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh T”.

Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng thấy rằng, mâu thuẫn của chị L và anh T đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng không khắc phục được và vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau, hai bên cắt đứt mọi liên hệ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ nên chấp nhận. Anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án báo gọi nhiều lần để tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh đều không đến làm việc, điều đó cho thấy việc anh không đồng ý ly hôn với chị L là không thật tâm, việc anh xin đoàn tụ là không có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy con chung của vợ chồng là cháu Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 03/8/2018 còn nhỏ cần có sự chăm sóc của chị L. Hơn nữa nghề nghiệp của anh T là lái xe taxi, anh thường xuyên vắng nhà, đi xóm về muộn, thời gian không đảm bảo cho việc trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung. Để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, đảm bảo cho sự P triển toàn diện của trẻ nhỏ, thấy cần giao cháu Lê Hoàng Tấn P cho chị Hoàng Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, về công sức: chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Minh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử :

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Minh L được ly hôn anh Lê Văn T

[2]. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Hoàng Tấn P, sinh ngày 03/8/2018, kể từ tháng 8/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không yêu cầu. Anh Lê Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Minh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007676 ngày 19/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Hoàng Thị Minh L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thảo

